GRAMMAR

New vocabulary Từ vựng mới	**do --------> did** *làm* *đã làm*
Structure Cấu trúc	**Did + Chủ từ + động từ ở thì hiện tại?** (*Bạn đã làm hành động gì đó chưa?)* --> *Nếu đã làm:* **Yes, Chủ từ + did** --> *Nếu không làm:* **No, Chủ từ + didn't**
Example Ví dụ	1. **Did you have a nice dream?** (Bạn đã có một giấc mơ đẹp đúng không?) → Yes, I did // No, I didn't 2. **Did she do her homework?** (Bạn đã làm bài tập về nhà chưa?) → Yes, she did // No, she didn't 3. **Did they eat dinner?** (Bạn đã ăn tối chưa) → Yes, they did // No, they didn't
Exercises Bài tập	********Write a sentence that has the following meaning.** (Đặt câu có nghĩa sau) 1. **Bạn đã ăn sáng chưa?** **---> Did you have breakfast?** 2. Bạn đã đi đến trường chưa? 3. Bạn đã uống nước chưa? 4. Bạn đã uống thuốc chưa? 5. Bạn đã bị sốt đúng không? 6. Bạn đã nhìn thấy Simon chưa? 7. Bạn đã ăn một quả táo đúng không?

LIVEWORKSHEETS

1.CHOOSE THE CORRECT ANSWER

1. Bạn đã bị sốt đúng không?

A. Did you have a fever?

B. Did you had a fever?

C. Did you had a temperature?

2. Bạn đã tặng hoa cho mẹ chưa?

A. Did you gave your mother some flowers?

B. Do you give your mother some flowers?

C. Did you give your mother some flowers?

3. Bạn đã uống thuốc chưa?

A. Do you take medicine?

B. Did you take medicine?

C. Did you took medicine?

4. Bạn đã đi bệnh viện chưa?

A. Did you go to the hospital?

B. Did you went to the hospital?

C. Do you go to the hospital?

5. Bạn đã nhìn thấy con gấu đó chưa?

A. Do you see this bear?

B. Did you see this bear?

C. Did you saw this bear?

6. Bạn đã uống coca chưa?

A. Do you drink coca?

B. Did you drink coca?

C. Did you drank coca?

LIVEWORKSHEETS

2. Look at the picture and write your answer

2.1

Did you eat lunch?

→ Write your answer_____

2.2

Did he give his dad a gift?

→ Write your answer_____

2.3

Did she go fishing with her grandfather?

→ Write your answer_____

LIVEWORKSHEETS